TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2018/HS-ST
Ngày: 28-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diện

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 259/2018/TLST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 259/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lù Văn N (tên gọi khác Lò Văn N), sinh năm 1986 tại tỉnh Lai Châu; nơi cư trú: Bản P, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: lớp 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lù Văn Đ và bà: Lò Thị G (đều đã chết); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ ngày 06-7-2018, chuyển tạm giam ngày 15-7-2018; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, tạm trú: thôn V, xã M, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Trần Đăng Đ, sinh năm 1994, nơi cư trú: số A đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06 năm 2018, Lù Văn N cùng vợ là Lù Thị N, sinh năm 1989, nơi cư trú: Bản P, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu đến thành phố N thuê trọ tại phòng trọ số 3 của bà Lý Thị K, nơi cư trú: thôn V, xã M, thành phố N. Trong thời gian thuê trọ, N có quen anh Bùi Văn T là người thuê trọ ở cạnh phòng trọ của N. Khoảng 09 giờ ngày 05-7-2018, N ra cửa phòng đứng nhìn sang phòng anh T thấy cửa phòng mở, anh T đang ngủ, bên cạnh tay trái anh T có để 01 chiếc ví màu nâu và 01 chiếc điện thoại di động Samsung J3 đang cắm sạc pin. Quan sát xung quanh không có ai, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên liền đi vào phòng anh Tlấy chiếc điện thoại và chiếc ví rồi đi ra khỏi phòng. N đến bãi đất trống cách phòng trọ 20 mét mở ví ra kiểm tra thấy trong ví có 70.000 đồng và một số giấy tờ gồm 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 hợp đồng mua bán trả góp của anh T, N lấy tiền rồi vứt ví cùng số giấy tờ ra bãi đất hoang. Sau đó N tháo sim điện thoại rồi mang điện thoại đến bán cho anh Trần Đăng Đ là chủ cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại Đ ở số A đường T phường T thành phố N với giá 1.400.000 đồng. N nói với anh Đ là điện thoại của N, số tiền bán điện thoại N đã chi tiêu cá nhân hết.

Khoảng 16 giờ cùng ngày, N quay về khu trọ nghe mọi người nói chuyện anh T bị mất tài sản, do lo sợ hành vi trộm cắp của mình sẽ bị phát hiện, ngay sau đó N đã đến Công an xã Mỹ Xá, thành phố Nam Định đầu thú, giao nộp chiếc sim điện thoại cùng số tiền 70.000 đồng và khai nhận toàn bộ hành vi nói trên. Cơ quan Công an đã thu giữ chiếc ví tại khu đất trống, trong ví có 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 hợp đồng mua bán trả góp của anh T. Anh Đ tự nguyện giao nộp lại chiếc điện thoại Samsung J3 đã mua của N.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Nam Định kết luận: Chiếc điện thoại Samsung J3 có giá trị là 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định đã trả lại chiếc điện thoại, chiếc sim điện thoại và chiếc ví trong có có 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 hợp đồng mua bán trả góp của anh T cho anh T. Anh T nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Bản cáo trạng số 264/CT-VKS ngày 27-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố Lù Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên toà, bị cáo Lù Văn N khai: Vào ngày 05-7-2018, lợi dụng lúc anh Bùi Văn T đang ngủ trong phòng trọ, cửa không khóa, bị cáo đã trộm cắp của anh T 01 chiếc điện thoại Samsung J3, chiếc ví có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 hợp đồng mua bán trả góp và số tiền 70.000 đồng. Sau đó bị cáo nói với anh Trần

Đăng Đ là điện thoại của bị cáo và bán chiếc điện thoại cho anh Đ lấy số tiền 1.400.000 đồng chi tiêu hết. Bị cáo đồng ý bồi thường thiệt hại cho anh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lù Văn N theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; áp dụng Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo bồi thường theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lù Văn N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Vào khoảng 09 giờ ngày 05-7-2018, lợi dụng sơ hở của anh Bùi Văn T, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại Samsung J3, chiếc ví có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 hợp đồng mua bán trả góp và số tiền 70.000 đồng của anh T. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự đã kết luận: chiếc điện thoại Samsung J3 có giá trị là 3.200.000 (ba triệu hai trăm nghìn) đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, kết luận định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản"; tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại trong lúc bị hại có sơ hở trong việc quản lý tài sản, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị

cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; tài sản do bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho bị hại; do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù trong khung hình phạt đối với bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với anh Trần Đăng Đ đã tiêu thụ chiếc điện thoại di động nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không áp dụng biện pháp xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đăng Đ yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền đã mua chiếc điện thoại Samsung J3 là 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng. Căn cứ quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần buộc bị cáo bồi thường cho anh Đạt số tiền trên. Bị hại là anh Bùi Văn T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Lù Văn N phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Văn N (tên gọi khác là Lò Văn N) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lù Văn N (tức Lò Văn N) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 06-7-2018.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Lù Văn N bồi thường cho anh Trần Đăng Đ số tiền 1.400.000 (một triệu bốn trăm nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Trần Đăng Đ có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí: Bị cáo Lù Văn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Lù Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là anh Bùi Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đăng Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đăng Đ, bị cáo Lù Văn N có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Người TGTT;
- VKSND tp. Nam Định (02 bản);
- TAND tỉnh Nam Định;
- Công an tp. Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

Nguyễn Thị Diện